

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 51/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 24-12-2019

V/v: “Ly hôn ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

-Thành phần Hội Đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hoài

Ông Phạm Xuân Đỉnh

-Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Văn Ngọc - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Sa - Kiểm sát viên

Trong ngày 24/12/2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 327/2019/TLST-HNGĐ ngày 09/10/2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2019/QĐXX-ST ngày 07/11/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị PhạmThị L, sinh năm: 1990 (có mặt)

Bị đơn: anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1994 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 2, ấp 1, xã M, huyện C, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Đ chung sống năm 2017 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện C, tỉnh B. Hôn nhân giữa hai người là hoàn toàn tự nguyện, trước khi lấy vợ lấy chồng hai người đều độc thân. Thời gian đầu thì vợ chồng sống rất hạnh phúc, đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Do anh Đ bài bạc, cá độ đá banh phải bán hết tài sản chính điều này làm cho tình cảm vợ chồng căng thẳng xảy ra xung đột làm cho chị không thể chịu đựng được và không thể sống chung được với nhau và hiện nay anh chị đã ly thân. Nay chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung: Không có yêu cầu tòa án giải quyết

Về nợ: Không có

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

Về hôn nhân: anh và chị Phạm Thị L chung sống năm 2017 có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Ch, tỉnh B. Hôn nhân giữa hai người là hoàn toàn tự nguyện, trước khi lấy vợ lấy chồng hai người đều độc thân. Thời gian đầu thì vợ chồng sống rất hạnh phúc, đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Do tiền bạc, kinh tế gia đình, anh cũng có bài bạc, cá độ đá banh làm cho tình cảm vợ chồng căng thẳng. Nay chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh thì anh không Đ ý vì anh còn thương vợ.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung: Không có yêu cầu tòa án giải quyết

Về nợ: Không có

Tại phiên tòa: Bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến:

Việc chấp hành theo quy định pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến nay nhận thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về việc chấp hành theo quy định pháp luật của Hội Đồng xét xử: Hội Đ xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành theo quy định pháp luật của các đương sự, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật tại các Điều 69, 70, và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Về hôn nhân: Căn cứ Điều 9, 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội Đồng xét xử tuyên cho chị L được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: không có nên không xem xét giải quyết

Về tài sản chung: không xem xét giải quyết

Về nợ chung: không xem xét giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Theo nội dung đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án thì Hội Đ xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình về việc “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về Thẩm quyền giải quyết: Do nguyên đơn chị L khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bị đơn anh Nguyễn Văn Đ có địa chỉ cư trú tổ 2, ấp 1, xã M, huyện Ch, tỉnh B nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

[1.3] Về sự có mặt của đương sự: Tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Văn Đ vắng mặt không có lý do mặc dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai. Vì vậy, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội Đ xét xử vẫn xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị L, Hội Đ xét xử xét thấy:

[2.1]. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Văn Đ đã tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Ch, tỉnh B. Việc kết hôn là do hai bên tự nguyện không bị ai ép buộc, trước khi kết hôn cả hai còn độc thân. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình xác định hôn nhân giữa chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Văn Đ là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án chị L và anh Đ cùng xác định trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã mở phiên hòa giải để cho các bên đoàn tụ nhưng anh Đ và chị L không đoàn tụ được. Điều này chứng tỏ Lập tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L.

[2.2]. Về con chung: Không có nên Hội Đồng xét xử không xem xét giải quyết

[2.3]. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội Đồng xét xử không xem xét giải quyết

[2.4]. Về nợ: Các đương sự xác định không có nợ chung nên Hội Đồng xét xử không xem xét giải quyết

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội Đồng xét xử chấp nhận, nên chị L phải chịu án phí là 300.000 Đồng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 9, 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình;
- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Văn Đ.
2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000 Đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà chị L đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003843 ngày 09/10/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chơn Thành;
- Chi cục THADS huyện Chơn Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thúy Hằng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Xuân Đính – Nguyễn Việt Thành

Nguyễn Thúy Hằng

